

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày 27-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Bà Phạm Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 30/TB-TA ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT; địa chỉ: đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường V, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Bình Ch – Chuyên viên quản lý nợ, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 235/UQ-CNĐN ngày 14 tháng 4 năm 2025); có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố L, phường AH, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 9 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/10/2022, bà Nguyễn Thị T có ký với Ngân hàng TMCP SGTT (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và phiếu cấp mã QR xem Biểu phí, Điều khoản, Điều kiện phát hành và hướng dẫn sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 28,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng bà T, từ ngày 05/11/2022 đến ngày 05/3/2023 bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 496.996.000 đồng.

Kể từ khi sử dụng và kích hoạt thẻ từ ngày 05/11/2022 đến 05/6/2023 Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 402.700.633 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, tại trang Website Sacombank). Qua thời gian sử dụng thẻ Bà T đã không thanh toán thêm cho Ngân hàng. Ngân hàng nhiều lần đã làm việc, đôn đốc nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 13 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 05/8/2023 (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 27/06/2025, bà T còn nợ các khoản sau:

+ Nợ gốc:	97.404.459 đồng
+ Phí trễ hạn:	400.000 đồng
+ Lãi:	106.311.263 đồng
+ Phí vượt hạn mức:	<u>200.000 đồng</u>
Tổng cộng:	204.315.722 đồng

(Bằng chữ: Hai trăm lẻ bốn triệu, ba trăm mười lăm nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP SGTT kính đề nghị Quý Tòa giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/06/2025 là **204.315.722 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm lẻ bốn triệu, ba trăm mười lăm nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng).

- Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/06/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành việc cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là bà Nguyễn Thị T, nhưng không thực hiện được, vì bà T hiện không còn sinh sống tại tổ dân phố L, phường A, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của bà T, nhưng không xác định được nơi cư trú hiện nay của bà T. Nguyên đơn cũng không cung cấp được địa chỉ nào khác của bà T. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại đoạn 1 điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 116, 117, 119 Bộ luật dân sự 2015; các điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 27/6/2025 là **204.315.722 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm lẻ bốn triệu, ba trăm mười lăm nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng).

Bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký kết đối với khoản nợ gốc chưa trả kể từ tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng với cá nhân không có mục đích lợi nhuận, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú cuối cùng tại: Tổ dân phố L, phường AH, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền tạm tính đến hết ngày 27/6/2025 là **204.315.722 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm lẻ bốn triệu, ba trăm mười lăm nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng), Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 07/10/2022 giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị T được thể hiện bằng văn bản; chủ thẻ tham gia ký kết hợp đồng là những người có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; vì vậy, hợp đồng có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Sau khi ký hợp đồng này, Ngân hàng đã giải ngân cho bà T bằng việc cấp cho bà T 01 Thẻ tín dụng có hạn mức 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, nhiều kỳ bà T không thanh toán cho Ngân hàng đúng hạn nên ngày 05/8/2023 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của bà T còn thiếu là 97.404.459 đồng sang nợ gốc quá hạn, chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và hướng dẫn sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Bà T đã được Ngân hàng cấp mã QR xem Biểu phí nên hoàn toàn nắm được dư nợ của mình tại Ngân hàng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 27/6/2025 là **204.315.722 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm lẻ bốn triệu, ba trăm mười lăm nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng) là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc còn nợ theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng kể từ ngày 28/6/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, đoạn 1 điểm e khoản 1 Điều 192, các điều 227, 228, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT số tiền nợ tính đến ngày 27/6/2025 là **204.315.722 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm lẻ bốn triệu, ba trăm mười lăm nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày 28/6/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (bà Nguyễn Thị T) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị T phải nộp 10.215.786 đồng (Bằng chữ: Mười triệu, hai trăm mười lăm nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT số tiền 2.869.212 đồng (Bằng chữ: Hai triệu, tám trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm mười hai đồng), là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003910 ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu: VP; hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bình

